

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 03 - 8 - 2020.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Thảo.
2. Bà Cao Thị Diệu Hiền.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2020/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 02 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị H - sinh năm: 1983 (*có mặt*).

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh S - sinh năm: 1984 (*có mặt*).

Địa chỉ: ấp H, xã K, TP S, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là chị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị H và anh S tự quen biết, tìm hiểu nhau được 06 tháng thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới vào năm 2007; đến năm 2010 tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã K, thành phố, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 04/6/2010. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, anh S có những lời lẽ thiếu tế nhị, xúc phạm chị H; ngoài ra anh S còn hay nghi ngờ ghen tuông, không tin tưởng chị H do chị H kinh doanh quán cà phê, phải thường xuyên tiếp xúc với khách hàng là nam giới

nên anh S không đồng ý dẫn đến vợ chồng thường hay gây gổ. Chị H cũng có ý định ly hôn anh S nhiều lần nhưng vì gia đình, vì con còn nhỏ nên chị H đã cố gắng chịu đựng chung sống với anh S, hy vọng anh S sẽ thay đổi, nhưng anh S vẫn tính nết tật nấy, không sửa đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay.

Vào năm 2017, chị H có nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh S tại Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc nhưng không được Tòa án chấp nhận. Từ khi Tòa án bác đơn ly hôn đến nay đã hơn hai năm, chị H và anh S cũng không sống chung với nhau; tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay, chị H không còn tình cảm với anh S, vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau, chị H không thể tiếp tục chung sống với anh S. Chị H yêu cầu được ly hôn anh S.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống, có 02 con chung tên N - sinh ngày: 23/02/2008 và B - sinh ngày: 30/11/2010 (*hiện 02 con chung đang sống với anh S*). Khi ly hôn, chị H yêu cầu được quyền nuôi con chung tên N; chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Chị H đồng ý giao con chung tên B cho anh S nuôi dưỡng, chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu B trưởng thành (*đủ 18 tuổi*).

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn là anh S trình bày:

- Về hôn nhân: Anh S thống nhất theo lời trình bày của chị H về quá trình chung sống vợ chồng cũng như nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Nay anh S nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không có gì trầm trọng, tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh S mong muốn vợ chồng hàn gắn tiếp tục chung sống để các con có đầy đủ tình thương của cha mẹ. Do đó, anh S không đồng ý ly hôn chị H.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống, có 02 con chung tên N - sinh ngày: 23/02/2008 và B - sinh ngày: 30/11/2010 (*hiện 02 con chung đang sống với anh S*). Trường hợp ly hôn, anh S không đồng ý giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng, anh S yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung. Anh S không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi 02 con chung sau khi ly hôn.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Anh S xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, con của chị H và anh S là cháu Trần B N và cháu B trình bày: Trường hợp cha mẹ ly hôn, không còn sống chung với nhau nữa thì cả hai cháu đều có nguyện vọng được sống chung với ba và mẹ là anh S và chị H.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

- Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao cháu Trần B N - sinh ngày: 23/02/2008 (*hiện đang sống với anh S*) cho chị H được quyền nuôi dưỡng; tuyên giao cháu B - sinh ngày: 30/11/2010 (*hiện đang sống với anh S*) cho anh S được tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Chị H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Trần Hồng Thái B trưởng thành (*đủ 18 tuổi*).

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do các bên đương sự chị H và anh S cùng xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh S là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị H và anh S chung sống vợ chồng từ năm 2007, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/6/2010 tại UBND xã Tân Khánh Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, giữa chị H và anh S đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng không có sự tin tưởng, quan tâm, lo lắng cho nhau; vợ chồng không có sự cảm thông, chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống và công việc. Chị H, anh S đã sống ly

thân từ năm 2016 đến nay. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án; Tòa án cũng đã động viên, hàn gắn tình cảm, vợ chồng đoàn tụ cùng chăm lo cho các con nhưng chị H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn anh S.

Tại phiên tòa, chị H xác định không còn tình cảm với anh S, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với anh S không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H không thể tiếp tục chung sống với anh S; trường hợp Tòa án không cho ly hôn thì chị H cũng không trở về sống chung với anh S. Chị H thiết tha yêu cầu xin được ly hôn anh S.

Về phía anh S: Không đồng ý ly hôn chị H, anh S cho rằng vẫn còn tình cảm với chị H, mâu thuẫn vợ chồng không có gì nghiêm trọng, anh S mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm, đoàn tụ chung sống với nhau để cùng chăm lo cho các con. Tuy nhiên, anh S cũng thừa nhận là trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, gây gổ với nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay anh S cũng ít khi tìm gặp chị H và cũng không có biện pháp gì để nếu kéo, hàn gắn tình cảm với chị H.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”

Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh S đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có sự thương yêu, quan tâm lẫn nhau. Giữa chị H và anh S cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nếu chị H và anh S đoàn tụ tiếp tục chung sống thì cũng không có hạnh phúc. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay, chị H xác định là không còn tình cảm với anh S, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với anh S không có hạnh phúc, chị H không còn quan tâm, thương yêu, lo lắng cho anh S, chị H cương quyết xin được ly hôn anh S; trường hợp Tòa án không cho ly hôn thì chị H cũng không trở về sống chung với anh S. Do đó, xét thấy việc chị H yêu cầu xin được ly hôn anh S là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

Khi ly hôn, chị H có yêu cầu được nuôi con chung tên N - sinh ngày: 23/02/2008 (*hiện đang sống với anh S*), chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Chị H đồng ý giao con chung tên B - sinh ngày: 30/11/2010 (*hiện đang sống với anh S*) cho anh S được tiếp tục nuôi dưỡng; chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu B trưởng thành (*đủ 18 tuổi*).

Trường hợp ly hôn, anh S không đồng ý giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng; anh S yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung tên N - sinh ngày:

23/02/2008 và B - sinh ngày: 30/11/2010, anh S không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi 02 con chung sau khi ly hôn.

Xét thấy: Về mặt kinh tế của chị H và anh S không thể cùng lúc nuôi dạy cả 02 cháu; Hơn nữa, cháu B N là con gái sống chung với mẹ sẽ dễ chăm sóc và hiểu được tâm lý của con hơn cha. Vì vậy, để đảm bảo cho 02 cháu có sự phát triển tốt về tâm sinh lý; Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu B N cho chị H được quyền nuôi dưỡng, giao cháu Thái B cho anh S trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của 02 cháu trong sinh hoạt, học tập. Chị H, anh S được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, ...

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa, chị H có yêu cầu được tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu B trưởng thành (*đủ 18 tuổi*). Xét thấy; sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn của chị H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu B nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do các bên đương sự, chị H và anh S cùng xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn và cấp dưỡng nuôi con*) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 Là Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Cho chị H ly hôn anh S.

2. Về nuôi con chung:

- Chị H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên N - sinh ngày: 23/02/2008 (*hiện đang sống với anh S*). Chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Buộc Anh S có trách nhiệm giao con chung tên N - sinh ngày: 23/02/2008 (*hiện đang sống với anh S*) cho chị H nuôi dưỡng.

- Anh S được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên B - sinh ngày: 30/11/2010 (*hiện đang sống với anh S*).

- Chị H, anh S có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 (*Một triệu*) đồng. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu B trưởng thành (*đủ 18 tuổi*).

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị H nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*) và 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về cấp dưỡng nuôi con chung*). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị H đã nộp ngày 10/02/2020 theo biên lai thu số 0004468 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ vào tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*) phải nộp. Chị H còn phải nộp thêm 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về cấp dưỡng nuôi con*) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND xã Tân Khánh Đông, TP Sa Đéc, ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

(Đã ký)

Trần Quốc Danh